

ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO DỰ ÁN VÀO HỌC PHẦN ANH VĂN THƯƠNG MẠI CĂN BẢN 3 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU

APPLYING PROJECT-BASED LEARNING ON ENGLISH FOR BUSINESS 3 AT HOA LU UNIVERSITY

Nguyễn Thị Miên

Trường Đại học Hoa Lư; ntmien@hluv.edu.vn

Tóm tắt - Hiện nay các trường Đại học ở Việt Nam đã chuyển sang hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ, điều này đòi hỏi từ các giảng viên đến sinh viên phải có cách thức dạy và học phù hợp. Một trong số cách tiếp cận được nhiều người quan tâm và áp dụng hiệu quả trong những năm gần đây chính là phương pháp dạy học dự án (DHDA). Đây là hình thức dạy học lấy người học làm trung tâm, thúc đẩy tính tự chủ từ chính người học. Bài viết trình bày tổng quan *Cơ sở lý thuyết về phương pháp dạy học dự án, quá trình thực hiện nghiên cứu, và hiệu quả đạt được trong một lớp học Tiếng Anh chuyên ngành tại Trường Đại học Hoa Lư*. Những thực nghiệm sư phạm góp phần khẳng định: DHDA đặc biệt mang lại hiệu quả trong quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Tác giả cũng mạnh dạn đề xuất một số gợi ý giúp các giảng viên có thể áp dụng hiệu quả DHDA đồng thời giúp người học nhận thức rõ hơn về phương pháp này.

Từ khóa - Dạy học dự án; Tiếng Anh chuyên ngành; tín chỉ; Trường Đại học Hoa Lư; Tiếng Anh thương mại.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ tại các trường đại học, cao đẳng càng đòi hỏi các giảng viên cần phải có một sự thay đổi toàn diện trên tất cả các mặt từ việc lựa chọn giáo trình đến áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp và hiệu quả nhất.

Đứng trước những đòi hỏi đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đưa ra mục tiêu chung là “đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân” “nhằm đến năm 2020 đa số các thanh niên Việt Nam có thể đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hóa; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Từ lâu trên thế giới đã có rất nhiều nghiên cứu đi sâu về phương pháp DHDA, đến nay tại Việt Nam, các môn học khác nhau trong đó đặc biệt là môn Ngoại ngữ cũng áp dụng phương pháp DHDA ngày một phổ biến hơn. Bởi vậy mà việc áp dụng phương pháp DHDA có thể cho thấy mặt tích cực mà phương pháp này đem lại. Để tìm hiểu kỹ hơn về phần này cũng như phát huy được tối đa những hiệu quả mà nó mang lại, tác giả đã chọn và tiến hành thực hiện nghiên cứu về hiệu quả của phương pháp DHDA được áp dụng đối với học phần Anh văn Thương mại Căn bản 3 trong một lớp học ngoại ngữ chuyên ngành Kế toán tại Trường Đại học Hoa Lư.

2. Kết quả nghiên cứu và khảo sát

2.1. Kết quả nghiên cứu lý thuyết

2.1.1. Khái niệm về dạy học dự án

a. Dự án

Dự án từ xưa đã có nhiều cách định nghĩa khác nhau và

Abstract - At present, universities in Vietnam have applied the form of credit training, which requires instructors and students to use appropriate teaching and learning methods. One of the interesting and effective approaches adopted in recent years is the Project-based learning (PBL). This is a learner-centered teaching way, which encourages self-reliance from the learner himself. The article presents an overview of the theoretical background of the project-based learning and the process of conducting research, and the effectiveness achieved in an ESP class at Hoa Lu University. Pedagogical experiments contribute to the assertion that PBL is particularly effective in credit training. The author also confidently puts forward some suggestions to help lecturers effectively apply PBL and learners better be aware of this method.

Key words - Project-based learning; ESP; credit; Hoa Lu university; English for business.

được nhắc đến trong một số nghiên cứu nước ngoài như Fried-Booth [5], Gallacher [6], Haines [7], Ho [9], Sarwar [15], Stoller [17], Thomas [18] và cả trong nước như Nguyễn Đức Cảnh [12], Nguyễn Thị Phương Hoa [13] hay Nguyễn Thị Văn Lâm [14]. Trong đó, hiểu theo cách đơn giản thì đó là một đề án, một dự thảo, có khi là một kế hoạch cần tiến hành thực hiện để đạt được mục đích đề ra. Và khái niệm này cũng được sử dụng rộng rãi trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau.

Có nhiều cách phân loại dự án dựa vào các tiêu chí khác nhau có liên quan đến mục đích và quá trình thực hiện. Về cơ bản trong giáo dục được biết đến với 4 loại chính:

1. Dự án cộng đồng (Community Projects): Là những dự án được thực hiện từ cộng đồng nơi người học đang sống. Phương pháp chủ yếu được áp dụng để giải quyết dạng bài tập lớn này là: Quan sát, lập bảng hỏi, và ghi chép.

2. Dự án điển cứu (Case studies): Là những dự án mà người học phải giải quyết một vấn đề điển hình nào đó dựa trên những thông tin số liệu cụ thể (có thể là những số liệu thực tế hoặc giả định) được cung cấp.

3. Dự án thực tiễn (Practical projects): Là những dự án sinh viên phải trực tiếp tiến hành một công việc cụ thể ví dụ như tạo ra được một bản thiết kế, xây dựng một mô hình, tiến hành một thí nghiệm hoặc tạo ra một sản phẩm có thực trong cuộc sống.

4. Dự án thư viện (Library projects): Là dự án mà nguồn thông tin sử dụng chủ yếu là từ các loại sách vở, báo, tạp chí trong thư viện hoặc của cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng. Đặc điểm điển hình của kiểu dự án này là người học sẽ phải chọn một chủ đề cụ thể, tìm tất cả những tài liệu có liên quan, đọc và tổng hợp tìm phương án giải quyết dưới dạng thuyết trình hoặc dạng viết.

b. Dạy học dự án

Sự phát triển mạnh mẽ của DHDA diễn ra trong vòng hơn

20 năm qua chính là kết quả của hai điều vô cùng quan trọng:

Thứ nhất, đã có một cuộc cách mạng trong lý thuyết học tập. Các nhà thần kinh học và tâm lý học đã mở rộng nghiên cứu mô hình nhận thức và hành vi của học tập, hỗ trợ truyền thống hướng dẫn trực tiếp, để cho thấy kiến thức, suy nghĩ, làm việc, và bối cảnh học tập gắn bó không thể tách rời. Những năm trở về đây, xã hội đã biết rằng học tập là một phần hoạt động xã hội, diễn ra trong bối cảnh văn hoá, cộng đồng và quá khứ, kinh nghiệm. Nghiên cứu cho thấy, người học không chỉ đáp ứng bằng cách truyền thụ thông tin, mà họ cũng tích cực sử dụng những gì họ biết để khám phá, giải thích và xây dựng các giải pháp, do đó thay đổi sự tập trung vào quá trình học.

Thứ hai, thế giới ngày càng thay đổi. Gần như tất cả các giáo viên hiểu cách thức làm việc cũng như văn hoá cộng đồng đã định hình nên cách thức tổ chức và phương pháp giảng dạy của các trường học. Họ cũng nhận ra rằng, để các trường có sự thích ứng với một thế kỷ mới thì bản thân người học cần cả kiến thức và kỹ năng để thành công trong vai trò của những công dân toàn cầu. Theo một nghĩa nào đó, nhu cầu giáo dục để thích ứng với một thế giới đang thay đổi trong đó DHDA đang ngày càng phổ biến.

Thực tế có rất nhiều định nghĩa về phương pháp DHDA. Mỗi định nghĩa hướng tới một khía cạnh mà tác giả muốn hướng tới. Một trong số đó phải nhắc tới định nghĩa của Carter và Thomas.

Carter và Thomas (1986, p.196) [3] cho rằng DHDA cần ba điều kiện: Có một vấn đề cần giải quyết, có sự tự kiểm soát, điều chỉnh giữa các thành viên và sự tự giác tham gia của người học. Theo nhiều học giả, để đảm bảo được ba điều kiện trên thì mỗi bài tập lớn phải có những đặc điểm sau:

- Diễn ra bên ngoài lớp học.
- Các chủ đề chủ điểm của dự án phải nằm trong chương trình môn học.
- Người học phải tự đặt ra kế hoạch và mục tiêu cần đạt được sau khi hoàn thành dự án.

Như vậy, phương pháp học thông qua bài tập lớn là một đường hướng mang tính hướng dẫn cao. Giáo viên chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn tạo tình huống cho người học bằng cách nêu ra vấn đề mà học sinh cần giải quyết hoặc đưa ra một mô hình sản phẩm mà học sinh cần phải làm được sau khi hoàn thành dự án. Do đó, điểm quan trọng nhất của phương pháp này là có thể thấy rõ được, đo đạc được, một sản phẩm cụ thể hay một giải pháp tối ưu cho một vấn đề cụ thể. Trong mỗi dự án, người thực hiện phải vạch ra được những kế hoạch, có nhiều cách thức giải quyết vấn đề, có sự lựa chọn và quyết định giải pháp phù hợp, những hoạt động cụ thể để giải quyết vấn đề đó. Một điều cần lưu ý rằng người hướng dẫn dự án phải cho những người thực hiện cơ hội để làm việc một cách tự chủ, một khoảng thời gian hợp lý và giúp họ hình dung ra sản phẩm mà họ cần phải đạt được là gì.

Mỗi học giả có một cách định nghĩa về DHDA khác nhau nhưng những đặc điểm chung của phương pháp này có thể rút ra như sau:

1. DHDA phải nằm trong chương trình học.
2. DHDA phải trọng tâm và các câu hỏi, các vấn đề đặt ra cần được giải quyết nhằm trong chuẩn kiến thức kỹ năng của môn học.

3. DHDA giúp cho học sinh tự thấy được những tiến bộ của mình trong quá trình thực hiện và hoàn thành các dự án.

4. DHDA phải do học sinh tự thực hiện.

5. DHDA phải có tính thực tiễn, không chỉ là những lý thuyết suông trong sách vở.

2.1.2. Đào tạo theo học chế tín chỉ

Đào tạo theo học chế tín chỉ là một phương thức đào tạo theo triết lý “tôn trọng người học, xem người học là trung tâm của quá trình đào tạo”. Học chế này được bắt nguồn từ Đại học Harvard (Mỹ) vào cuối thế kỷ 19, dần được áp dụng khắp Bắc Mỹ và lan sang các quốc gia phát triển thuộc Châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan,... Từ 1975, việc áp dụng phương thức này tại Việt Nam vẫn chưa được rộng rãi, mà mãi đến tận đầu những năm 90 của thế kỷ 20, một số trường mới mạnh dạn tiếp cận, trong đó trường Đại học Bách khoa TP.HCM áp dụng học chế tín chỉ từ năm 1993, các trường ở khu vực phía Bắc phải chờ đến những năm đầu của thế kỷ 21 mới bắt đầu chuyển dần sang phương thức mới mẻ này. Trường Đại học Hoa Lư cũng tận đến năm 2014 mới quyết tâm tập trung nghiên cứu chuyển dần từng bước sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

2.1.3. Vai trò của giảng viên

Yếu tố đơn giản nhất quyết định thành công của công việc dự án là niềm tin của giảng viên và nhất quán với phương pháp làm việc này. Sau đó, phải đảm bảo rằng sinh viên đủ trưởng thành để làm việc đúng cách và chuẩn bị kỹ lưỡng. Điều này cũng bao gồm khả năng tự sửa lỗi. Ngược lại, sau cùng sinh viên cần nhận ra rằng điều quan trọng nhất chính là hiệu quả của công việc và “ngôn ngữ chính là sản phẩm cuối cùng”. Vai trò từng giai đoạn của giáo viên được Simon Haines [7] nêu rõ: Ban đầu, giáo viên nên khơi dậy sự quan tâm và gợi ra ý tưởng của học sinh về chủ đề, phương hướng, phương pháp làm việc, thời gian biểu, kết quả cuối cùng và nguồn lực phù hợp. Trong quá trình thực hiện dự án, giáo viên nên đảm nhận vai trò người hướng dẫn, trở thành một nguồn ý tưởng và lời khuyên, một trọng tài giúp giải quyết tranh cãi hoặc bất đồng quan điểm, chủ tọa trong suốt các báo cáo của nhóm cho cả lớp. Cuối cùng, các chức năng của giáo viên liên quan đến việc tổ chức hiệu quả các công việc và việc thực hiện. Vai trò của giáo viên lúc này là một người tổ chức và người đánh giá.

2.1.4. Những lợi ích và bất lợi của DHDA

a. Những lợi ích của DHDA

Giáo dục đương đại đề cập đến các năng lực chính cần tất cả học sinh và sinh viên đều có được. Đó là thông tin liên lạc và hợp tác, hoạt động, sáng kiến, độc lập, sáng tạo, trách nhiệm và kỷ luật, trí tưởng tượng, tư duy phê phán và giải quyết vấn đề. Có một câu hỏi làm thế nào để lĩnh hội được những khái niệm trừu tượng trong giảng dạy ngoại ngữ. Theo Hutchinson [10], "công việc dự án là một cách để biến hoạt động lớp học nhằm vào thực tiễn.

Theo Gallacher (2004) [6], phương pháp DHDA trong các lớp học ngoại ngữ có những ưu điểm sau đây:

- Tăng động lực đối với người học;
- Bốn kỹ năng ngôn ngữ đều được tích hợp;
- Giúp cho người học tự giác và tự chịu trách nhiệm về việc học của mình;
- Có kết quả sau quá trình thực hiện dự án;

- Giúp học sinh có sự tiếp xúc với các tình huống thực tế;
- Mỗi quan hệ tương trợ giữa các thành viên trong nhóm được thiết lập;
- Nội dung và phương pháp tiến hành được giáo viên và học sinh thảo luận, do đó tăng cường việc lấy người học và việc học làm trung tâm;
- Tạo điều kiện cho học sinh có được sự hỗ trợ từ phía gia đình vào việc học. Do đó, cha mẹ sẽ hiểu hơn về việc học tập của con mình ở trường;
- Tạo cơ hội cho các em phá vỡ những thói quen học tập theo lối mòn và học tập theo một cách sáng tạo hơn;
- Tình huống thực tiễn sẽ giúp các em có sự trải nghiệm, có kiến thức để trình bày một cách chính xác và trôi chảy.

b. Những bất lợi của DHDA

Mặc dù thực tế là các dự án cho thấy, một số lượng lớn các lợi thế, nhưng theo Fried-Booth [4] cần phải thừa nhận rằng một số vấn đề có thể cũng xuất hiện trong DHDA. *Thứ nhất*, dự án có thể gặp phải một số khó khăn liên quan đến tổ chức. Họ phải được tích hợp vào chương trình học của trường và yêu cầu một lịch trình chi tiết. Hay có các giai đoạn nhất định phải tuân theo, tức là lập kế hoạch, thu thập dữ liệu, giải quyết vấn đề, thu thập thông tin, tạo ra sản phẩm cuối cùng, trình bày, báo cáo và đánh giá. Các dự án thường được thực hiện cả trong và ngoài lớp học. Tuy nhiên, có thể cần đến sự kết hợp giữa làm bài tập lớn và làm bài tập ở nhà và chắc chắn phải mất thời gian để phát triển thành công dự án. *Thứ hai*, giám sát được xem là đòi hỏi nhiều hơn: "... chiến lược phải được lập ra để kiểm tra một cách có hệ thống những gì mà học sinh đã nghe, học và hiểu. Và dĩ nhiên, những gì người đó có thể nói trong khi tiến hành dự án".

Gallacher [6] cũng đã chỉ ra những bất lợi của phương pháp này, đặc biệt là trong lớp học tiếng Anh khó tránh việc dùng tiếng mẹ đẻ. Ngoài ra, phương pháp dạy học này cũng gặp nhiều trở ngại khi lớp học có sự khác nhau về trình độ giữa các sinh viên.

Theo nhà nghiên cứu Thomas [18], có ba trở ngại lớn khi áp dụng DHDA. Hai trong số trở ngại đó có liên quan đến học sinh. Đó là một số học sinh không có khả năng làm việc theo nhóm và một số học sinh không có kỹ năng tiến hành các nghiên cứu mang tính khoa học như là đưa ra câu hỏi nghiên cứu, tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện dự án, phân tích dữ liệu cũng như có những phản biện để bảo vệ ý kiến của mình.

2.1.5. Tiến trình phát triển của dự án

Để tiến hành DHDA, có giáo viên thực hiện theo 10 bước theo quan điểm của các nhà giáo dục Sheppard và Stroller [19]. Nhưng trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả áp dụng quan điểm của nhà giáo dục học Fried-Booth, với 5 bước cần thực hiện như sau:

a. Các hoạt động liên kết / dẫn đầu

Do tính chất độc đáo lấy sinh viên làm trung tâm của công việc dự án mà giáo viên chỉ như một cây cầu kéo dài từ chỉ thị truyền thống giảng dạy đến một môi trường DHDA chưa biết. Như đã được giải thích rõ ràng bởi Fried-Booth [5], mục tiêu chính là để giảm bớt việc sinh viên tiếp cận giáo viên như là trung tâm cho một tình huống mà dần

dần tạo cho sinh viên có một tiếng nói ngày càng tăng trong những gì họ làm. Nói cách khác, các hoạt động cầu nối là được thiết kế đặc biệt để phát triển khả năng tiếp nhận công việc dự án và được cho là bước quan trọng nhất để cung cấp cho sinh viên những lời giải thích hợp lý.

b. Lập kế hoạch

Thảo luận lớp học đầu tiên bao gồm cả gợi ý của giáo viên và người học. Nó có thể là buổi thảo luận nhằm tạo ra một loạt các ý tưởng liên quan đến sự phát triển của dự án. Điều rất quan trọng là người học được phép lựa chọn và quyết định ngay từ ban đầu vì công việc của dự án chắc chắn đòi hỏi sự kích thích ban đầu hoặc nguồn cảm hứng. Bởi vậy mà ý tưởng và chủ đề phải được xem xét cẩn thận để tìm ra xem chúng có phù hợp cho một dự án hay không.

Theo Fried-Booth [5], "Điểm nổi bật là phải có niềm tin rằng chủ đề đáng để theo đuổi". Cần thảo luận về các lĩnh vực như nội dung và phạm vi của dự án, các khu vực chương trình giảng dạy, độ dài (dài hạn và ngắn hạn dự án), vị trí, mức độ và độ tuổi, mục tiêu của dự án, nhóm người học và phân chia trách nhiệm, sản phẩm cuối cùng và cách thức đánh giá và trình bày. Bên cạnh đó, dự án có thể đề xuất sắp xếp một chuyên thăm một Tổ chức có liên quan hoặc mời khách mời nói chuyện về chủ đề liên quan đến dự án.

c. Tiến hành dự án

Khi tất cả các chế phẩm thiết yếu được sắp xếp để sẵn sàng thực hiện, cần tính đúng thời gian để tiến hành bước tiếp theo đó là thực tế hóa dự án. Đưa ra ý tưởng có hiệu quả là cốt lõi của dự án. Ngoài việc làm việc trong lớp học, sinh viên cần phải giải quyết nhiều nhiệm vụ bên ngoài trường học. Sinh viên được kỳ vọng sẽ luyện tập cả bốn kỹ năng ngôn ngữ, nghĩa là đọc, viết, nói và nghe, cũng như các chức năng ngôn ngữ khác nhau, ví dụ: Giới thiệu, yêu cầu lịch sự, trao đổi chia sẻ thông tin, làm việc nhóm, vv

Cũng theo Fried-Booth [5], trước khi thu thập thông tin có liên quan và các dữ liệu khác, nên thiết kế tài liệu viết, chẳng hạn như bảng câu hỏi, bản đồ, lưới, bản, vv. Do đó, sinh viên có nghĩa vụ phải thực hiện việc nghiên cứu, giải quyết vấn đề, tiến hành phỏng vấn, khảo sát, quan sát môi trường cụ thể và thu thập thông tin. Họ thậm chí có thể ghi âm hoặc quay video và chụp ảnh.

Danh sách từ vựng, bài tập về nhà, bài kiểm tra, báo cáo tiến độ và phiếu đánh giá được giáo viên nhắc nhở giám sát và kiểm tra tiến độ trong những buổi phản hồi trên lớp có thể có ý nghĩa ở nhiều khía cạnh.

Cùng lúc đó, các hoạt động và biểu đồ khác nhau có thể được sử dụng để đảm bảo tính khách quan như xem xét hàng tuần, bảng kiểm tra lỗi, danh sách kiểm tra kỹ năng phụ, nhật ký dự án hoặc nhật ký, biểu đồ ưu tiên.

d. Tạo ra sản phẩm cuối cùng

Mặc dù, có những dự án không có sản phẩm cuối cùng hữu hình và nhấn mạnh vào sự phát triển của các kỹ năng khác nhau, sinh viên chắc chắn đánh giá cao cơ hội sản xuất một cái gì đó thực sự, nguyên bản mà họ có thể hiển thị cho bạn học, cha mẹ hoặc thậm chí với công chúng. Họ đang mong muốn làm ra một chương trình thể hiện kiến thức và khả năng của họ. Tầm quan trọng của độ chính xác ngôn ngữ được chấp nhận như là một vấn đề của khóa học. Thông qua sản phẩm một người học đạt được thành tựu rất

quan trọng đối với động lực, thái độ tổng thể của đối tượng. Có thể có một loạt các sản phẩm cuối cùng tùy thuộc vào nội dung của Dự án, ví dụ: Áp phích, hình treo tường, biểu đồ, danh mục đầu tư, tờ rơi, tờ rơi, sách nhỏ, tạp chí, báo, băng video, triển lãm hoặc các bên. Những ngày này, nó là cần thiết để đề cập đến các bài thuyết trình PowerPoint.

e. Trình bày và đánh giá cuối cùng

Các dự án thành công và được làm tốt xứng đáng được trình bày cho người khác. Các bài thuyết trình nên được tổ chức tốt, hấp dẫn và không quá dài. Bản chất của sản phẩm cuối cùng ảnh hưởng đến các điều kiện, chẳng hạn như đối tượng dự định, nơi thích hợp và hình thức trình bày. Có phòng học được trang bị đặc biệt cho các mục đích này trong hầu hết các trường học. Nếu nó được coi là một dịp lễ hội hơn, một trường học sẽ là một địa điểm lý tưởng. Không khí hứng thú sẽ đạt được khi một buổi thuyết trình diễn ra ngoài trời. Ví dụ, tại sân chơi trường học. Đánh giá cuối cùng là một phản hồi có giá trị cho giáo viên. Mẫu đánh giá hoặc Bảng câu hỏi có thể được thay thế bởi các cuộc thảo luận toàn bộ lớp. Tất cả nhận xét và lời khuyên nên được cân nhắc bởi giáo viên, bởi vì với một phản ánh xây dựng có thể cải tiến các nỗ lực dự án trong tương lai. Người học học cách phân tích từ cả giáo viên và của riêng mình làm việc và nhận thức được giá trị của công việc dự án.

Như vậy, DHDA là một phương pháp dạy học đem lại nhiều ưu điểm. Nó giúp cho việc học đã hướng tới người học như là nhân vật trung tâm trong hoạt động lĩnh hội kiến thức gắn với thực tiễn, bên cạnh đó còn giúp chính người học tự trau dồi đa dạng kiến thức cũng như kỹ năng chuyên ngành và cả trong cuộc sống. Giáo viên chỉ đóng vai trò như một người hướng dẫn, tư vấn, sinh viên chủ động lựa chọn chủ đề học tập, trực tiếp được tham gia vào quá trình thực hiện dự án, lập kế hoạch thực hiện thậm chí còn được đánh giá dự án.

2.2. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu hiệu quả của DHDA áp dụng vào học phần Anh văn Thương mại căn bản 3 tại Trường Đại học Hoa Lư.

2.2.1. Tổng quan về nghiên cứu

Bối cảnh nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện tại một lớp học Tiếng Anh chuyên ngành của SV ngành Kế Toán, khóa 7, hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Trong chương trình đào tạo, SV ngành Kế toán được học 6 học phần Tiếng Anh: Tiếng Anh 1, 2, 3 (Phần kiến thức đại cương) và Anh văn Thương mại Căn bản 1, 2, 3 (Phần kiến thức chuyên ngành). Anh văn Thương mại căn bản 3 là học phần được thiết kế cho SV năm thứ 3, bao gồm 60 tiết thực hiện trong 15 tuần. Giáo trình chính là “New Market Leader – Preintermediate”. Nội dung chương trình bao gồm 9 bài học từ bài 4 đến bài 12. Mục tiêu chính của học phần là cung cấp cho SV vốn từ vựng chuyên ngành thương mại, chú trọng rèn luyện cho SV kỹ năng đọc hiểu, dịch thuật và thuyết trình trong thương mại.

Dự án có tên ‘Meetings in companies’ được thiết kế trong 9 tuần học, từ tuần thứ 2 đến tuần thứ 10 nhằm mục đích tìm hiểu hiệu quả của DHDA trong việc nâng cao và đa dạng hóa các kỹ năng của SV.

Khách thể nghiên cứu: 33 SV năm thứ 3 ngành Kế toán. Các SV này được chia thành 6 nhóm, mỗi nhóm từ

5-6 SV. Những SV này đã hoàn thành 5 học phần Tiếng Anh trong chương trình và có trình độ Tiếng Anh khác nhau.

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp DHDA được tiến hành theo đúng 5 bước như đề xuất của Fried-Booth [6], được áp dụng từ tuần thứ 2 đến tuần thứ 10 của chương trình học. Phương pháp quan sát và phương pháp phỏng vấn là hai công cụ chính để đưa ra kết luận. SV được phỏng vấn thái độ đối với PP DHDA về thời gian nghiên cứu, sự hướng dẫn của giáo viên, sắp xếp thời gian thực hiện từng phần, việc tự chủ lựa chọn tài liệu học tập, đặt ra mục tiêu và kế hoạch thực hiện mục tiêu, sự biết tự đánh giá kết quả học tập và đánh giá về chương trình học.

2.2.2. Áp dụng DHDA trong học phần Anh văn Thương mại Căn bản 3 cho SV ngành Kế toán

Quy trình áp dụng DHDA trong dạy học phần Anh văn Thương mại Căn bản 3 cho SV ngành Kế toán được tiến hành như sau:

Bước 1: Các hoạt động liên kết / dẫn dắt:

Bước này bắt đầu được thực hiện khi đã hoàn thành bài học đầu tiên, GV và SV cùng nhau xác định đề tài và mục đích của dự án. GV giới thiệu chủ đề mẫu cho môn học và cùng SV xác định đề tài cho dự án của các nhóm (5-6 SV). 6 chủ đề tương ứng với 6 tình huống trong các Case Study cuối các bài từ bài 4 đến bài 9 sẽ lần lượt được giới thiệu cho các nhóm. Sau bài 4, giáo viên sẽ hướng dẫn mẫu thật kỹ phần Case Study, cung cấp thông tin, yêu cầu các em phân tích, thảo luận, và đưa ra nhiệm vụ. Yêu cầu sau từng bài các em sẽ làm việc nhóm viết báo cáo theo đúng mẫu ở trang 135. Giảng viên hẹn lịch cứ sau 2 bài lại nộp báo cáo của 2 bài 1 lần. Đầu thứ tuần 9, sau khi hoàn thành bài 9 theo chương trình thì giảng viên cho các nhóm bốc thăm chủ đề, yêu cầu chuẩn bị dựa vào báo cáo đã làm, tổ chức phân vai thực hiện một cuộc họp giải quyết các tình huống phù hợp. Hết đến cuối tuần thứ 10 sẽ tiến hành thuyết trình. Thực tế các em sẽ có gần 2 tuần để thực hiện triển khai dự án chuyên sâu.

Bước 2: Lập kế hoạch cho dự án: GV và SV cùng nhau thống nhất về sản phẩm cuối cùng của dự án. Sản phẩm đó bắt buộc phải là tổ chức một cuộc họp đi kèm với bản báo cáo chi tiết hơn về chủ đề đã bốc thăm cùng với các báo cáo sau các bài, bên cạnh đó có thể là bài thuyết trình, diễn kịch, tập bài viết, bài luận ... GV và SV cùng xác định sản phẩm dự án cho các nhóm phải đi kèm theo mỗi phần trình bày là 1 báo cáo chi tiết về cuộc họp được tiến hành + 5 bản báo cáo ngắn của mỗi bài.

Bước 3: Tiến hành dự án: GV và SV thống nhất về các nội dung chi tiết của dự án.

Các nhóm sẽ bắt đầu làm việc thực sự từ tuần thứ 3, làm báo cáo từng bài theo chương trình từ bài 4, lần lượt đến bài 9 ứng với tuần 8.

Ngoài ra, sau khi bốc thăm chủ đề vào đầu tuần 9, SV còn xác định vai trò, trách nhiệm, sự hợp tác trong nhóm/cặp, thời gian tìm kiếm thông tin, thực hiện và trình bày dự án cụ thể hơn.

Bước 4: Tạo ra sản phẩm cuối cùng

Dựa vào kế hoạch của dự án, tất cả các SV đều nhận thức được rằng họ phải tạo ra sản phẩm cuối cùng là một cuộc họp tập trung thảo luận về vấn đề mà nhóm mình đã

bốc thăm, có một quyển tập hợp 6 bản báo cáo ngắn theo từng bài và 1 bản báo cáo chi tiết về cuộc họp của nhóm.

Bước 5: Trình bày và đánh giá cuối cùng:

Vào tiết hẹn trình bày, các em đã sắp xếp, bố trí bàn ghế như đang trong một phòng chuẩn bị có một cuộc họp. Nộp bản báo cáo, tổ chức cuộc họp theo đúng yêu cầu đã bốc thăm, trình chiếu cả power point. Bên cạnh đó, có nhóm có thực hiện diễn thêm tình huống tới hợp muộn và phải có các cuộc điện thoại báo cáo tình huống và xin phép đi muộn, có nhóm tổ chức họp đi kèm theo 1 bài thuyết trình về sản phẩm trong cuộc họp và hầu hết các nhóm đều có chuẩn bị Power point bổ trợ thêm cho cuộc họp đó.

Để đánh giá khách quan hơn, giảng viên cử 1 sinh viên phụ trách ghi hình các cuộc họp, gửi cho các nhóm xem lại và đánh giá dựa trên các tiêu chí cụ thể đã thống nhất với GV trong đó có các mặt chuẩn bị, cấu trúc dự án, nội dung, ngôn ngữ, kỹ năng, phát âm và độ trôi chảy, phong cách trình bày, GV cũng khuyến khích SV đưa ra những gợi ý điều chỉnh để cải thiện sản phẩm của các nhóm. Sau đó, vào buổi học sau GV giành 1 chút thời gian nhận xét và gợi ý chỉnh sửa sản phẩm.

3. Bàn luận

3.1. Bước đầu đánh giá hiệu quả của DHDA áp dụng vào học phần Anh văn Thương mại căn bản 3 tại trường Đại học Hoa Lư.

Sau khi thực hiện áp dụng phương pháp DHDA tác giả đã tiến hành đánh giá hiệu quả của PP DHDA thông qua việc phỏng vấn và quan sát, tác giả đã rút ra một số kết luận sau:

+ *Về động cơ, thái độ, ý thức thực hiện dự án của sinh viên*

31/33 SV (94%) được phỏng vấn đã tỏ ra yêu thích môn học và thấy hứng thú hơn với việc học theo hình thức DHDA và làm việc nhóm. Khi được hỏi lý do, các em cho biết trong quá trình đi tìm và đọc tài liệu để lựa chọn thông tin, các em không những phải nghiên cứu thật kỹ các kiến thức có trong giáo trình mà còn tìm hiểu sâu hơn về cách viết báo cáo bằng Tiếng Anh, thậm chí cách tổ chức một cuộc họp, tái hiện các tình huống có thật ngoài đời, và buộc phải cải thiện kỹ năng với máy tính như Words, Excel, Power Point cũng như đã biết thêm rất nhiều về các kiến thức xã hội bên cạnh các kiến thức ngôn ngữ.

Ngoài ra, SV cũng cho biết tất cả các em đều phải học tập ngoài lớp học nhiều hơn so với các học phần trước do phải họp nhóm thường xuyên, để hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, các em cũng phải tự học ở nhà nhiều hơn, có khi phải lên thư viện nghiên cứu thường xuyên hơn trước vì các em dành nhiều thời gian để tìm tài liệu, đọc và dịch tài liệu, chuẩn bị báo cáo, thiết kế các Slides phục vụ thuyết trình, dẫn chương trình, tập đóng vai bằng Tiếng Anh.

Do GV phổ biến dự án từ bài đầu tiên tuần 2 của học kỳ nên sinh viên đã lập nhóm, lên kế hoạch và phương pháp làm cụ thể nên hầu hết các sinh viên đều đã xác định trách nhiệm trong việc thực hiện dự án và cố gắng hoàn thành công việc mà nhóm giao cho. Bởi vậy mà các nhóm đều đã hoàn thành dự án theo đúng tiến độ quy định.

+ *Về các kỹ năng và năng lực ngôn ngữ (Tiếng Anh)*

Bên cạnh kỹ năng và năng lực về ngôn ngữ như nói để

thuyết trình, đọc tài liệu để thu thập, phân tích, đánh giá thông tin, viết báo cáo, SV đã có thêm khả năng tự nghiên cứu, làm việc theo nhóm, thuyết trình, phỏng vấn, đánh giá, xử lý vấn đề đặc biệt kỹ năng máy tính cũng được phát triển rõ rệt. Có thể nói phương pháp DHDA đã góp phần giúp SV tiến bộ hơn về năng lực ngôn ngữ của mình, đặc biệt đáp ứng với hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ như hiện nay.

+ *Về thái độ của sinh viên đối với PP DHDA*

SV thấy rõ những ưu điểm mà PP DHDA mang lại như được sự hướng dẫn nhiệt tình của GV, có sự phân bổ thời gian hợp lý để tiến hành dự án, giúp không bị áp lực về thời gian. SV được hiểu biết hơn về văn hóa, xã hội và nhiều nội dung khác thông qua dự án mà SV được giao và dự án của các nhóm khác trong lớp. DHDA đã tạo cơ hội cho SV được làm việc cùng nhau, hiểu nhau hơn và học được từ nhau rất nhiều điều tốt. Ngoài ra, việc làm việc theo nhóm đã giúp cho SV tự tin hơn, tích cực suy nghĩ độc lập hơn cho việc học của mình và có trách nhiệm với công việc của mình và với nhóm mình tham gia.

Việc lập kế hoạch cho dự án đã được lên kế hoạch ngay từ khi bắt đầu học kỳ nên SV đã hình thành trách nhiệm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ của dự án. Điều này góp phần quan trọng giúp các em củng cố ý thức tự nghiên cứu, một việc đóng vai trò quan trọng trong đào tạo theo học chế tín chỉ hiện nay.

+ *Việc tự chủ lựa chọn tài liệu học tập, đặt ra mục tiêu và kế hoạch thực hiện mục tiêu*

29/33 (88%) sinh viên cho biết họ đã hoàn toàn tự chủ trong việc lựa chọn tài liệu học tập cũng như tài liệu tham khảo, và 30/33 (91%) đã đạt được mục tiêu và kế hoạch thực hiện. Điều này cho thấy với PP này các em sẽ hoàn toàn tự chủ trong học tập và nghiên cứu, đồng thời thúc đẩy các bạn cùng nhóm cùng chủ động hơn, và GV chỉ là một người với vai trò hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ những lúc khó khăn.

+ *Về khả năng tự đánh giá được sự tiến bộ và những thành tích học tập, tự đánh giá chương trình học của mình*

Thông qua nhận xét, đánh giá các nhóm khác và cả nhóm mình, nhiều SV đã có thể dần làm quen việc tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, tự tiến bộ của mình trong quá trình học tập cũng như hiệu quả của môn học, từ đó ý thức học tập sẽ ngày một tốt hơn. Bên cạnh đó còn góp phần giúp người học tiếp thu được những nội dung chính trên lớp, đồng thời rèn luyện và phát triển các kỹ năng của thế kỷ 21 (như làm việc nhóm, giao tiếp và tư duy phản biện) và thành quả mà người tham gia gặt hái được là những sản phẩm gắn với thực tiễn, những bài thuyết trình chất lượng, thu hút của chính các cá nhân.

Như vậy có thể thấy đặc điểm phương pháp DHDA dựa trên nghiên cứu chính là định hướng các nội dung quan trọng giúp người học nắm vững trọng tâm đào tạo hay nội dung cốt lõi của môn học đồng thời đòi hỏi tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp và trao đổi thông tin.

3.2. Một số nhược điểm của DHDA được nhận thấy từ nội dung nghiên cứu

Bên cạnh rất nhiều ưu điểm kể trên thì DHDA vẫn tồn tại một số nhược điểm không khó nhận thấy, đó là:

+ Dự án đòi hỏi sự tâm huyết về công sức, đầu tư về thời gian, sẽ trở thành trở ngại khó vượt qua đối với những SV có năng lực ngôn ngữ còn hạn chế cùng với đó GV cũng phải rất nhiệt tình và chấp nhận hy sinh thêm thời gian hướng dẫn cho SV yếu hơn.

+ Đây là một hoạt động theo nhóm nên khó tránh sự chênh lệch hay đa dạng về trình độ, điều này khiến cho việc triển khai sẽ đôi lúc gặp vướng mắc khi có thành viên nào đó chưa nắm vững tinh thần khi triển khai phương pháp DHDA này.

3.3. Một số đề xuất để nâng cao hiệu quả của DHDA

Để nâng cao hiệu quả của PP DHDA trong các học phần Tiếng Anh chuyên ngành, chúng ta cần nâng cao nhận thức của GV và SV về PP DHDA cùng với việc củng cố kiến thức chuyên sâu của môn học.

DHDA hiện nay chưa được áp dụng hoàn toàn phổ biến. Tuy nhiên, qua nghiên cứu này, tác giả càng khẳng định PP DHDA sẽ không chỉ đặc biệt đạt hiệu quả với các học phần Ngoại ngữ chuyên ngành mà còn có thể áp dụng rộng rãi với các học phần Ngoại ngữ cơ bản và thậm chí cả những học phần không phải là Ngoại ngữ. Do vậy, giáo dục hiện đại muốn phát triển mạnh hơn cần phổ biến PP DHDA này đến cả GV và SV để họ là những người trực tiếp tham gia vào dự án sẽ nắm chắc cách thức tiến hành PPDH này.

Ngoài ra, GV cần hướng dẫn cho SV những kỹ năng học tập cần thiết. Để làm được một dự án tốt, SV cần phải có các kỹ năng học tập, nghiên cứu và kỹ năng xã hội tốt (nhất là kỹ năng làm việc nhóm), kỹ năng tổ chức, quản lý công việc, kỹ năng tìm kiếm thông tin...

Đối với một SV học Tiếng Anh, ngoài những kỹ năng trên, kỹ năng tiếng (nghe, nói, đọc, viết) là đặc biệt quan trọng. Ví dụ, khi SV thực hiện một dự án phát triển kỹ năng thuyết trình, SV cần phải được trang bị cách thức tiến hành một bài thuyết trình bằng Tiếng Anh (phần mở đầu, chào hỏi, dẫn dắt, nêu vấn đề, kết luận vấn đề, tranh luận, thuyết phục ...). Ngoài ra, SV cũng cần phải được trang bị kiến thức nền đầy đủ về các nội dung ngôn ngữ (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng) có liên quan đến chủ đề của dự án.

4. Kết luận

Trước những ưu điểm mà DHDA mang lại, có thể nói rằng đây là một hình thức dạy học bắt kịp với xu hướng thời đại giúp người học có được hiểu biết sâu về các khái niệm và tiêu chuẩn cốt lõi của dự án đồng thời xây dựng các kỹ năng làm việc thực tế và hình thành thói quen học tập lâu dài. Phương pháp học tập này còn đem lại cơ hội cho học viên giải quyết các vấn đề về ngôn ngữ đặc biệt là giao tiếp, tiếp cận cơ hội nghề nghiệp, cũng như cơ hội học hỏi từ các cổ vấn giàu kinh nghiệm, ứng dụng hiệu quả

công nghệ và đưa ra trước công chúng kết quả dự án của mình mà không hề bị bó hẹp ở bối cảnh lớp học. Thêm vào đó, DHDA còn tạo động lực học tập khiến những sinh viên vốn cảm thấy trường học rất nhàm chán và vô nghĩa trở thành một xã hội thu nhỏ thú vị, đáng khám phá.

TAI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban liên lạc các trường cao đẳng và đại học Việt Nam, Tài liệu cho hội thảo “Đào tạo liên thông theo hệ thống tín chỉ”, NXB Giáo dục, 2007.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Giáo dục, 2007.
- [3] Carter, G., & Thomas, H, Dear brown eyes: Experiential learning in a project-oriented approach. *ELT Journal*, 40, 1996, 196-204.
- [4] Fried-Booth, D. L, Project work with advanced classes. *ELT Journal*, 36(2), 1982, 98-103.
- [5] Fried-Booth, D. L, *Project work*. New York, NY: Oxford University Press, 1986.
- [6] Gallacher, L, *Project work* (8th ed.). Oxford: Oxford University Press from British Council Teaching English, 2004. Retrieved from <https://www.teachingenglish.org.uk/article/project-work-teenagers>
- [7] Haines, S, *Projects for the EFL classroom: Resource material for teachers*. Walton on-Thames Surrey, UK: Nelson, 1989.
- [8] Henry, J, *Learning through projects*. London: Kogan Page Ltd, 1994.
- [9] Ho, R. *Project approach: Teaching* (2nd ed.). Washington, DC: Education, 2003.
- [10] Hutchinson, T. & Waters, A, *English for Specific Purposes: A learner-centered approach*. Cambridge University Press, 1987.
- [11] McCarthy, T, *Integrating Project-based learning into a traditional skills-based curriculum to foster learner autonomy: An action research*, 2010.
- [12] Nguyễn Đức Cảnh, Đổi mới phương pháp dạy – học các môn văn hóa Anh, Mỹ và giao thoa văn hóa thông qua phương pháp dự án. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*. Số 4(33), 2009; 160-165.
- [13] Nguyễn Thị Phương Hoa, Tình hình vận dụng phương pháp Project trong dạy học ở trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Tạp chí khoa học ĐHQGHN*, T.XXI, số 2, 2005, 46-53.
- [14] Nguyễn Thị Văn Lâm (2011), Project-based learning in teaching English as a foreign language, *VNU Journal of Sciences, Foreign Language* 27, 2011, 140-146.
- [15] Sarwar, Z, *Project-based learning to facilitate learner autonomy*, English Language Foundation in South Asia, 2010.
- [16] Stoller, F. L, *Project work: A means to promote language content*. *Forum*, 35(4), 1999, 2-9. 37.
- [17] Stoller, F. L, *Establishing a theoretical foundation for project-based learning in second and foreign language contexts*. In G. H. Beckett & P. C. Miller (Eds.), *Project-based second and foreign language education: Past, present, and future*. Greenwich, CT: Information Age Publishing, 2006, 19-40.
- [18] Thomas, J.W, *A review of research on project-based learning*, 2000.
- [19] Sheppard, K. & Stoller, F. L, *Guidelines for the Integration of Students Projects into ESP Classrooms*. *English Teaching Forum*, 33(2), 1995, 10-15.